

Số: 1641/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân lớp tiếng Anh tăng cường đối với sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần chất lượng cao Khóa 11 dựa vào chứng chỉ tiếng Anh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số: 1537/TB-ĐHNH, ngày 27/11/2024 về việc phân lớp tiếng Anh tăng cường dành cho sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) Khóa 11 và theo đề nghị của Trường Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân lớp tiếng Anh tăng cường đối với 99 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) Khóa 11 dựa vào chứng chỉ tiếng Anh sinh viên nộp tháng 4 năm 2025.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL, P. TCKT;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*

PGS, TS. Nguyễn Đức Trung

**DANH SÁCH PHÂN LỚP TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG DÀNH CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC
CHÍNH QUY TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) KHÓA 11 DỰA VÀO CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH
NỘP ĐỢT THÁNG 4 NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định: 1644 /QĐ-ĐHNH, ngày 16 / 5 /2025 của Hiệu trưởng)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
						HUB (4/6)	IELTS >=5.5	TOEFL (IBT) >=61	
Sinh viên được miễn cấp độ 6 đến cấp độ 7									
1	050611230015	Phạm Ngô Phúc	An	31/08/2005	HQ11-BAF20	X			
2	050611230040	Hồ Tú	Anh	19/12/2004	HQ11-MAG04	X			
3	050611230049	Lữ Hồng	Anh	06/09/2005	HQ11-BAF12	X			
4	050611230035	Đặng Vân	Anh	15/09/2005	HQ11-BAF07	X			
5	050611230031	Bùi Thị Minh	Anh	17/11/2005	HQ11-BAF19	X			
6	050611230075	Phan Nguyễn Thụy	Anh	24/08/2005	HQ11-BAF12	X			
7	050611230057	Nguyễn Lan	Anh	10/4/2005	HQ11-BAF19		X		
8	050611230059	Nguyễn Lan	Anh	30/06/2005	HQ11-BAF09		X		
9	050611230068	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/02/2005	HQ11-ACC04		X		
10	050611230100	Trịnh Thị Minh	Ánh	28/07/2005	HQ11-BAF16	X			
11	050611230124	Hoàng An	Bình	29/09/2005	HQ11-ACC05	X			
12	050611230128	Lê Như	Bình	28/05/2005	HQ11-BAF01	X			
13	050611230150	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/10/2005	HQ11-BAF17			X	
14	050611230168	Đào Mạnh	Cường	14/11/2005	HQ11-BAF12	X			
15	050611230169	Lương Tuấn	Cường	05/01/2005	HQ11-BAF21	X			
16	050611230178	Đỗ Thành	Danh	10/7/2005	HQ11-MAG07	X			
17	050611230228	Đỗ Vĩ	Duy	27/06/2005	HQ11-BAF02		X		
18	050611230264	Vũ Ngọc Quỳnh	Giang	24/07/2005	HQ11-BAF08	X			
19	050611230254	Lê Quỳnh	Giang	21/09/2005	HQ11-ACC01	X			
20	050611230281	Trần Thị Trúc	Hà	10/8/2005	HQ11-BAF06	X			
21	050611230283	Đặng Quỳnh Nhật	Hạ	20/07/2005	HQ11-MAG02	X			
22	050611230312	Trần Ngọc Bảo	Hân	21/10/2005	HQ11-BAF13	X			
23	050611230297	Nguyễn Diệp Gia	Hân	28/03/2005	HQ11-MAG03	X			
24	050611230309	Trần Đỗ Gia	Hân	25/12/2005	HQ11-MAG02		X		
25	050611230293	Lê Ngọc	Hân	16/04/2005	HQ11-MAG04		X		
26	050611230325	Đoàn Thanh	Hằng	29/10/2005	HQ11-ACC01	X			
27	050611230360	Phạm Thanh	Hiền	15/04/2005	HQ11-ACC02	X			
28	050611230381	Lê Ánh	Hồng	28/05/2005	HQ11-BAF03	X			
29	050611230389	Đỗ Trần Hoàng	Hưng	30/07/2005	HQ11-ACC03	X			
30	050611230407	Ngô Cẩm	Hương	13/09/2005	HQ11-MAG06	X			
31	050611230405	Huỳnh Thị Thanh	Hương	09/01/2005	HQ11-BAF13	X			
32	050611230400	Cao Thị Thu	Hương	05/06/2005	HQ11-BAF10	X			
33	050611230422	Dương Hồng	Huy	02/11/2005	HQ11-BAF19	X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
						HUB (4/6)	IELTS ≥5.5	TOEFL (IBT) ≥61	
34	050611230438	Trương Lý Gia	Huy	12/6/2005	HQ11-MAG07	X			
35	050611230436	Phan Gia	Huy	31/08/2005	HQ11-ACC01	X			
36	050611230425	Lê Minh	Huy	01/01/2005	HQ11-BAF09	X			
37	050611230465	Võ Hoàng Lê	Kha	06/04/2005	HQ11-MAG05	X			
38	050611230469	Lê Quang	Khải	02/05/2005	HQ11-BAF01	X			
39	050611230474	Hồ Trần Vĩnh	Khang	27/06/2005	HQ11-MAG01		X		
40	050611230505	Phạm Đăng	Khoa	23/09/2005	HQ11-ACC01	X			
41	050611230529	Trần Lê Hồng	Lam	18/09/2005	HQ11-BAF07	X			
42	050611230534	Nguyễn Ngọc Hương	Lan	19/08/2005	HQ11-BAF19	X			
43	050611230583	Nguyễn Trần Thảo	Linh	14/05/2005	HQ11-BAF05	X			
44	050611230614	Trần Ngọc Khánh	Luy	07/10/2005	HQ11-BAF13	X			
45	050611230622	Trần Dạ	Lý	28/10/2005	HQ11-BAF14	X			
46	050611230630	Nguyễn Trần Kiều	Mai	12/6/2005	HQ11-BAF02	X			
47	050611230652	Nguyễn Hoàng	Minh	02/06/2004	HQ11-MAG07	X			
48	050611230657	Nguyễn Thị Khánh	Minh	20/09/2005	HQ11-MAG07	X			
49	050611230685	Trần Quỳnh Bảo	My	02/03/2005	HQ11-BAF12	X			
50	050611230677	Nguyễn Ngọc Trà	My	25/08/2005	HQ11-BAF20	X			
51	050611230682	Trần Ngọc Thảo	My	29/05/2005	HQ11-BAF20	X			
52	050611230681	Trần Khánh	My	10/11/2005	HQ11-MAG05		X		
53	050611230699	Nguyễn Bá Hải	Nam	24/07/2005	HQ11-MAG02	X			
54	050611230701	Nguyễn Lâm Vương	Nam	02/05/2005	HQ11-BAF03	X			
55	050611230708	Văn Thiên	Nga	09/08/2005	HQ11-MAG03	X			
56	050611230733	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	03/07/2005	HQ11-BAF03	X			
57	050611230729	Nguyễn Ngọc	Ngân	19/01/2005	HQ11-ACC04	X			
58	050611230794	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	02/04/2005	HQ11-MAG07	X			
59	050611230776	Đầu Xuân Khánh	Ngọc	08/01/2005	HQ11-MAG01	X			
60	050611230809	Quách Bảo	Ngọc	28/10/2005	HQ11-BAF01	X			
61	050611230780	Đoàn Hồng	Ngọc	18/12/2005	HQ11-BAF10		X		
62	050611230825	Lương Phúc	Nguyên	26/04/2005	HQ11-BAF02	X			
63	050611230826	Ngô Nguyễn Hoài	Nguyên	08/02/2005	HQ11-BAF20		X		
64	050611230884	Nguyễn Thảo Uyên	Nhi	07/07/2005	HQ11-ACC05	X			
65	050611230861	Cao Hoài Yến	Nhi	12/3/2005	HQ11-BAF19	X			
66	050611230858	Bạch Dương	Nhi	10/9/2005	HQ11-BAF10	X			
67	050611230917	Huỳnh Lý Uyên	Như	10/5/2005	HQ11-ACC01	X			
68	050611230916	Hồ Đoàn Tâm	Như	09/7/2005	HQ11-MAG06	X			
69	050611230971	Lâm Thành	Phát	17/03/2005	HQ11-MAG02	X			
70	050611230999	Nguyễn Thiên	Phúc	08/05/2005	HQ11-MAG01	X			
71	050611231012	Ngô Hoàng Uyên	Phương	30/11/2005	HQ11-MAG04	X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
						HUB (4/6)	IELTS >=5.5	TOEFL (IBT) >=61	
72	050611231021	Trần Huyền	Phương	24/03/2005	HQ11-ACC01	X			
73	050611231017	Nguyễn Trần Quỳnh	Phương	11/12/2005	HQ11-BAF01	X			
74	050611231072	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	03/03/2005	HQ11-BAF06	X			
75	050611231074	Nguyễn Yên	Quỳnh	10/1/2005	HQ11-ACC05	X			
76	050611231087	Võ Minh	Sang	15/08/2005	HQ11-BAF18	X			
77	050611231108	Phan Chí	Tấn	08/07/2005	HQ11-BAF03		X		
78	050611231138	Đinh Mai	Thảo	02/07/2005	HQ11-BAF01	X			
79	050611231147	Lê Thanh	Thảo	07/09/2005	HQ11-BAF10	X			
80	050611231189	Từ Trương Hoài	Thu	07/06/2005	HQ11-BAF12	X			
81	050611231230	Phạm Khuê Cát	Thư	21/11/2005	HQ11-BAF10	X			
82	050611231247	Võ Lê	Thư	26/02/2005	HQ11-BAF10		X		
83	050611231275	Kiều Minh	Thy	28/08/2005	HQ11-BAF18		X		
84	050611231284	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	29/01/2005	HQ11-MAG06	X			
85	050611231319	Phan Thị Ngọc	Trâm	10/7/2005	HQ11-BAF16		X		
86	050611231346	Ngô Bảo	Trân	21/03/2005	HQ11-MAG06	X			
87	050611231357	Nguyễn Phan Bảo	Trân	31/01/2005	HQ11-MAG03	X			
88	050611231347	Nguyễn Bảo	Trân	09/12/2005	HQ11-MAG07	X			
89	050611231382	Đoàn Trần Thanh	Trang	02/05/2005	HQ11-MAG06	X			
90	050611231516	Phạm Nhã	Uyên	31/12/2005	HQ11-MAG05	X			
91	050611231518	Võ Ngọc Nhã	Uyên	22/04/2005	HQ11-BAF08		X		
92	050611231526	Nguyễn Hải	Vân	22/09/2005	HQ11-ACC04	X			
93	050611231520	Huỳnh Thị Thanh	Vân	15/11/2005	HQ11-BAF02	X			
94	050611231558	Nguyễn Quốc	Vương	04/07/2005	HQ11-BAF08	X			
95	050611231579	Nguyễn Hải	Vy	13/06/2005	HQ11-BAF15	X			
96	050611231563	Đặng Tường	Vy	18/09/2005	HQ11-MAG06	X			
97	050611231591	Nguyễn Thị Thúy	Vy	22/12/2005	HQ11-ACC02		X		
98	050611231624	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	14/04/2005	HQ11-BAF17	X			
99	050611231634	Huỳnh Hải	Yến	04/11/2005	HQ11-BAF04		X		



Tổng số: 99 sinh viên *W*



No: 1641/QĐ-ĐHNH

Ho Chi Minh City, May 16, 2025

DECISION

Regarding the placement of enhanced English classes for Cohort 11 regular undergraduate students enrolled in the high-quality part-time English program based on their English proficiency certificates.

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024) of the Chairman of the University Council on promulgating the “Regulations on functions, duties, powers, and organizational structure of affiliated and subordinate units of Banking University Ho Chi Minh City”;

Pursuant to Decision No. 1577/QĐ-ĐHNH (August 31th, 2021) of the Rector on amending and supplementing a number of articles of the academic management regulations for high-quality undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City issued under Decision No. 2134A/QĐ-ĐHNH dated October 2, 2017;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and management of undergraduate training at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and implementation of high-quality training programs, partial English programs, and special undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Announcement No. 1537/TB-ĐHNH, (November 27th, 2024), regarding the placement of enhanced English classes for Cohort 11 regular undergraduate students enrolled in the high-quality part-time English program (CLC), and based on the recommendation of the Head of the Department of Academic Affairs.

DECIDES:

Article 1. Placement of enhanced English classes for 99 students of Cohort 11 in the regular undergraduate high-quality part-time English program (CLC) based on the English certificates submitted by students in April 2025.

(Attached list)

Article 2. Relevant units shall coordinate implementation in accordance with Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH, (May 8, 2019), issued by the Rector regarding the promulgation of the Regulations on grade management in the Academic Management Software System.

Article 3. Chief of the Office, Heads of the Department of Academic Affairs, Head of the Department of Testing and Quality Assurance, Head of the Finance and Accounting Department, and the student mentioned in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- Rector and Vice Rectors (for reporting);
- As Article 3 (for implementation);
- DTQA, DFA;
- Archives: CLC Office, GAO.

RECTOR

(Signed)

Nguyen Duc Trung

LIST OF ENHANCED ENGLISH CLASS PLACEMENTS FOR COHORT 11 REGULAR UNDERGRADUATE STUDENTS IN THE HIGH-QUALITY PART-TIME ENGLISH PROGRAM (CLC) BASED ON ENGLISH CERTIFICATES SUBMITTED IN APRIL 2025

Issued together with Decision No. 1641/QĐ-ĐHNH, (May 16 2025 by the Rector)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
					HUB (4/6)	IELTS >=5.5	TOEFL (IBT) >=61	
Sinh viên được miễn cấp độ 6 đến cấp độ 7								
1	050611230015	Phạm Ngô Phúc An	31/08/2005	HQ11-BAF20	X			
2	050611230040	Hồ Tú Anh	19/12/2004	HQ11-MAG04	X			
3	050611230049	Lữ Hồng Anh	06/09/2005	HQ11-BAF12	X			
4	050611230035	Đặng Vân Anh	15/09/2005	HQ11-BAF07	X			
5	050611230031	Bùi Thị Minh Anh	17/11/2005	HQ11-BAF19	X			
6	050611230075	Phan Nguyễn Thụy Anh	24/08/2005	HQ11-BAF12	X			
7	050611230057	Nguyễn Lan Anh	04/10/2005	HQ11-BAF19		X		
8	050611230059	Nguyễn Lan Anh	30/06/2005	HQ11-BAF09		X		
9	050611230068	Nguyễn Thị Vân Anh	18/02/2005	HQ11-ACC04		X		
10	050611230100	Trịnh Thị Minh Ánh	28/07/2005	HQ11-BAF16	X			
11	050611230124	Hoàng An Bình	29/09/2005	HQ11-ACC05	X			
12	050611230128	Lê Như Bình	28/05/2005	HQ11-BAF01	X			
13	050611230150	Nguyễn Thị Kim Châu	20/10/2005	HQ11-BAF17			X	
14	050611230168	Đào Mạnh Cường	14/11/2005	HQ11-BAF12	X			
15	050611230169	Lương Tuấn Cường	05/01/2005	HQ11-BAF21	X			
16	050611230178	Đỗ Thành Danh	07/10/2005	HQ11-MAG07	X			
17	050611230228	Đỗ Vĩ Duy	27/06/2005	HQ11-BAF02		X		
18	050611230264	Vũ Ngọc Quỳnh Giang	24/07/2005	HQ11-BAF08	X			
19	050611230254	Lê Quỳnh Giang	21/09/2005	HQ11-ACC01	X			
20	050611230281	Trần Thị Trúc Hà	08/10/2005	HQ11-BAF06	X			
21	050611230283	Đặng Quỳnh Nhật Hạ	20/07/2005	HQ11-MAG02	X			
22	050611230312	Trần Ngọc Bảo Hân	21/10/2005	HQ11-BAF13	X			
23	050611230297	Nguyễn Diệp Gia Hân	28/03/2005	HQ11-MAG03	X			
24	050611230309	Trần Đỗ Gia Hân	25/12/2005	HQ11-MAG02		X		
25	050611230293	Lê Ngọc Hân	16/04/2005	HQ11-MAG04		X		
26	050611230325	Đoàn Thanh Hằng	29/10/2005	HQ11-ACC01	X			
27	050611230360	Phạm Thanh Hiền	15/04/2005	HQ11-ACC02	X			
28	050611230381	Lê Ánh Hồng	28/05/2005	HQ11-BAF03	X			
29	050611230389	Đỗ Trần Hoàng Hưng	30/07/2005	HQ11-ACC03	X			
30	050611230407	Ngô Cẩm Hương	13/09/2005	HQ11-MAG06	X			
31	050611230405	Huỳnh Thị Thanh Hương	09/01/2005	HQ11-BAF13	X			
32	050611230400	Cao Thị Thu Hương	05/06/2005	HQ11-BAF10	X			
33	050611230422	Dương Hồng Huy	02/11/2005	HQ11-BAF19	X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
						HUB (4/6)	IELTS ≥5.5	TOEFL (IBT) ≥61	
34	050611230438	Trương Lý Gia	Huy	06/12/2005	HQ11-MAG07	X			
35	050611230436	Phan Gia	Huy	31/08/2005	HQ11-ACC01	X			
36	050611230425	Lê Minh	Huy	01/01/2005	HQ11-BAF09	X			
37	050611230465	Võ Hoàng Lê	Kha	06/04/2005	HQ11-MAG05	X			
38	050611230469	Lê Quang	Khải	02/05/2005	HQ11-BAF01	X			
39	050611230474	Hồ Trần Vĩnh	Khang	27/06/2005	HQ11-MAG01		X		
40	050611230505	Phạm Đăng	Khoa	23/09/2005	HQ11-ACC01	X			
41	050611230529	Trần Lê Hồng	Lam	18/09/2005	HQ11-BAF07	X			
42	050611230534	Nguyễn Ngọc Hương	Lan	19/08/2005	HQ11-BAF19	X			
43	050611230583	Nguyễn Trần Thảo	Linh	14/05/2005	HQ11-BAF05	X			
44	050611230614	Trần Ngọc Khánh	Luy	07/10/2005	HQ11-BAF13	X			
45	050611230622	Trần Dạ	Lý	28/10/2005	HQ11-BAF14	X			
46	050611230630	Nguyễn Trần Kiều	Mai	06/12/2005	HQ11-BAF02	X			
47	050611230652	Nguyễn Hoàng	Minh	02/06/2004	HQ11-MAG07	X			
48	050611230657	Nguyễn Thị Khánh	Minh	20/09/2005	HQ11-MAG07	X			
49	050611230685	Trần Quỳnh Bảo	My	02/03/2005	HQ11-BAF12	X			
50	050611230677	Nguyễn Ngọc Trà	My	25/08/2005	HQ11-BAF20	X			
51	050611230682	Trần Ngọc Thảo	My	29/05/2005	HQ11-BAF20	X			
52	050611230681	Trần Khánh	My	11/10/2005	HQ11-MAG05		X		
53	050611230699	Nguyễn Bá Hải	Nam	24/07/2005	HQ11-MAG02	X			
54	050611230701	Nguyễn Lâm Vương	Nam	02/05/2005	HQ11-BAF03	X			
55	050611230708	Văn Thiên	Nga	09/08/2005	HQ11-MAG03	X			
56	050611230733	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	03/07/2005	HQ11-BAF03	X			
57	050611230729	Nguyễn Ngọc	Ngân	19/01/2005	HQ11-ACC04	X			
58	050611230794	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	02/04/2005	HQ11-MAG07	X			
59	050611230776	Đầu Xuân Khánh	Ngọc	08/01/2005	HQ11-MAG01	X			
60	050611230809	Quách Bảo	Ngọc	28/10/2005	HQ11-BAF01	X			
61	050611230780	Đoàn Hồng	Ngọc	18/12/2005	HQ11-BAF10		X		
62	050611230825	Lương Phúc	Nguyên	26/04/2005	HQ11-BAF02	X			
63	050611230826	Ngô Nguyễn Hoài	Nguyên	08/02/2005	HQ11-BAF20		X		
64	050611230884	Nguyễn Thảo Uyên	Nhi	07/07/2005	HQ11-ACC05	X			
65	050611230861	Cao Hoài Yến	Nhi	03/12/2005	HQ11-BAF19	X			
66	050611230858	Bạch Dương	Nhi	09/10/2005	HQ11-BAF10	X			
67	050611230917	Huỳnh Lý Uyên	Như	05/10/2005	HQ11-ACC01	X			
68	050611230916	Hồ Đoàn Tâm	Như	09/7/2005	HQ11-MAG06	X			
69	050611230971	Lâm Thành	Phát	17/03/2005	HQ11-MAG02	X			
70	050611230999	Nguyễn Thiên	Phúc	08/05/2005	HQ11-MAG01	X			
71	050611231012	Ngô Hoàng Uyên	Phương	30/11/2005	HQ11-MAG04	X			

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SH	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			Ghi chú
						HUB (4/6)	IELTS >=5.5	TOEFL (IBT) >=61	
72	050611231021	Trần Huyền	Phuong	24/03/2005	HQ11-ACC01	X			
73	050611231017	Nguyễn Trần Quỳnh	Phuong	12/11/2005	HQ11-BAF01	X			
74	050611231072	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	03/03/2005	HQ11-BAF06	X			
75	050611231074	Nguyễn Yến	Quỳnh	01/10/2005	HQ11-ACC05	X			
76	050611231087	Võ Minh	Sang	15/08/2005	HQ11-BAF18	X			
77	050611231108	Phan Chí	Tấn	08/07/2005	HQ11-BAF03		X		
78	050611231138	Đinh Mai	Thảo	02/07/2005	HQ11-BAF01	X			
79	050611231147	Lê Thanh	Thảo	07/09/2005	HQ11-BAF10	X			
80	050611231189	Từ Trương Hoài	Thu	07/06/2005	HQ11-BAF12	X			
81	050611231230	Phạm Khuê Cát	Thư	21/11/2005	HQ11-BAF10	X			
82	050611231247	Võ Lê	Thư	26/02/2005	HQ11-BAF10		X		
83	050611231275	Kiều Minh	Thy	28/08/2005	HQ11-BAF18		X		
84	050611231284	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	29/01/2005	HQ11-MAG06	X			
85	050611231319	Phan Thị Ngọc	Trâm	07/10/2005	HQ11-BAF16		X		
86	050611231346	Ngô Bảo	Trân	21/03/2005	HQ11-MAG06	X			
87	050611231357	Nguyễn Phan Bảo	Trân	31/01/2005	HQ11-MAG03	X			
88	050611231347	Nguyễn Bảo	Trân	09/12/2005	HQ11-MAG07	X			
89	050611231382	Đoàn Trần Thanh	Trang	02/05/2005	HQ11-MAG06	X			
90	050611231516	Phạm Nhã	Uyên	31/12/2005	HQ11-MAG05	X			
91	050611231518	Võ Ngọc Nhã	Uyên	22/04/2005	HQ11-BAF08		X		
92	050611231526	Nguyễn Hải	Vân	22/09/2005	HQ11-ACC04	X			
93	050611231520	Huỳnh Thị Thanh	Vân	15/11/2005	HQ11-BAF02	X			
94	050611231558	Nguyễn Quốc	Vương	04/07/2005	HQ11-BAF08	X			
95	050611231579	Nguyễn Hải	Vy	13/06/2005	HQ11-BAF15	X			
96	050611231563	Đặng Tường	Vy	18/09/2005	HQ11-MAG06	X			
97	050611231591	Nguyễn Thị Thúy	Vy	22/12/2005	HQ11-ACC02		X		
98	050611231624	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	14/04/2005	HQ11-BAF17	X			
99	050611231634	Huỳnh Hải	Yến	04/11/2005	HQ11-BAF04		X		



Total: 99 students